

Số: 31 /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng**  
**chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học**  
**của Học viện Tài chính**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Học viện Tài chính;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện Tài chính;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 14 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện Tài chính. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện Tài chính đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện Tài chính sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44/50 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Học viện Tài chính cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học cho Học viện Tài chính theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Phi Thị Nguyệt Thanh**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	5			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>		3,80	4	80,00
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	3			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>		4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	44	88,00

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 34 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

## **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT**

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện Tài chính, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện. Chuẩn đầu ra của CTĐT cơ bản phản ánh được mục tiêu đào tạo, được lấy ý kiến của các bên liên quan, rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố theo đúng quy định.

2. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đầy đủ thông tin, được lấy ý kiến của các bên liên quan, rà soát, cập nhật và công bố công khai.

3. Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo khối lượng kiến thức theo quy định, nội dung các khối kiến thức được cấu trúc để chuyển tải các yêu cầu cần đạt đối với mục tiêu chung, với chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương hợp lý, liên kết, tạo nền tảng để các kiến thức kết nối với nhau, làm thành một hệ thống thống nhất nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có cấu trúc và trình tự đảm bảo hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

4. Triết lý giáo dục “Công dân toàn cầu trong thế giới thay đổi” đã được Học viện công bố. CTĐT đã có chuẩn đầu ra và tổ hợp công nghệ dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng hướng tới đáp ứng các triết lý, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Học viện. Tất cả đề cương chi tiết các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá nhằm thúc đẩy việc học tập kiến thức, rèn luyện kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm chủ động, tích cực học tập suốt đời của người học.

5. Học viện có hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả của người học được thông báo công khai. Người học được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong tuần lễ sinh hoạt giáo dục định hướng từ khi mới nhập học, được làm quen với Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện.

6. Các văn bản về công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được ban hành đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Học viện. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực

của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn (03 năm) và đạt kết quả tốt. Có quy định cụ thể về loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Ngành Quản trị kinh doanh đã đạt được các thành tích nghiên cứu khoa học như: Có 04 đề tài cấp Bộ/tỉnh, 05 đề tài đăng ký sở hữu trí tuệ; 37 đề tài cấp Học viện; công bố được 04 bài ISI/Scopus; 26 bài quốc tế khác; 52 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 10 giáo trình, 05 sách chuyên khảo; 11 bài tham luận hội thảo quốc gia, 09 bài tham luận hội thảo quốc tế.

7. Học viện đã ban hành chiến lược phát triển trong đó có dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên cơ bản đáp ứng nhu cầu của Học viện. Đã ban hành các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên và phổ biến công khai. Thực hiện tốt việc khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Học viện có chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định, được rà soát, cập nhật và công bố công khai, tạo điều kiện cho thí sinh có thông tin để đăng ký lựa chọn ngành học. Hoạt động tư vấn tuyển sinh đa dạng về hình thức (trực tiếp, trực tuyến). Học viện có bộ phận/cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và việc làm của sinh viên; các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá đa dạng, phong phú. Môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho sinh viên. Tỷ lệ sinh viên hài lòng với hoạt động tư vấn, hỗ trợ, môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội rất cao. Học viện có đầy đủ dữ liệu quản lý, theo dõi về sinh viên.

9. Học viện có đầy đủ phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng làm việc cho giảng viên, nghiên cứu viên; các trang thiết bị, phần mềm (BambooHR, Fast, Misa amis, MISA eShop, KiosViet, Sapo) đáp ứng nhu cầu, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Thư viện có đầy đủ tài liệu, có phần mềm quản lý thư viện tích hợp Aleph và phần mềm tìm kiếm tập trung Primo đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu; kết nối được với 27 thư viện trong khối thư viện số đại học, 45 thư viện điện tử thuộc khối Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Hệ thống công nghệ thông tin có đầy đủ máy tính, phần mềm (Kế toán effect, Kaspersky, Office 365...), Internet cáp quang, wifi đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Học viện đã ban hành quy định một số tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Có hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn theo quy định. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên, nhân viên của Học viện được quan tâm.

10. Học viện có văn bản quy định về hệ thống thu thập thông tin phản hồi

và nhu cầu của bên liên quan. Thông tin phản hồi của bên liên quan được các đơn vị thu thập, xử lý và sử dụng để điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học và nâng cao các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Học viện thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định trong đề cương học phần; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được phản hồi thông qua các phiếu khảo sát làm căn cứ cho Học viện cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo có kết quả được sử dụng trong hoạt động dạy học; cơ chế phản hồi của bên liên quan được thiết lập, được rà soát và có cải tiến.

11. Học viện và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 01 năm tốt nghiệp. Dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật, thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Bổ sung vào mục tiêu CTĐT ngành Quản trị kinh doanh mục tiêu hướng tới/hiện thực hoá là CTĐT uy tín nằm trong top 100 CTĐT tốt nhất châu Á hoặc được kiểm định theo chuẩn quốc tế để phù hợp toàn diện với Tầm nhìn của Học viện “Đến năm 2045 đưa Học viện Tài chính trở thành 01 trong 100 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất châu Á, 01 trong 1.000 cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới theo chuẩn xếp hạng quốc tế”. Có hướng dẫn viết tuyên bố chuẩn đầu ra để tránh nhầm lẫn giữa tuyên bố chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT và có hướng dẫn cụ thể khi xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT theo thang bậc Bloom nhằm lượng hóa được các chuẩn đầu ra để có thể đo lường được. Việc công khai chuẩn đầu ra cần thể hiện trên nhiều định dạng khác nhau, đặc biệt là trên định dạng giao diện điện thoại (mobile) bởi vì người quan tâm sử dụng điện thoại để truy cứu thông tin thường xuyên hơn trên máy tính.

2. Có những giải pháp hữu hiệu hơn để kết nối được các cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để cải tiến làm căn cứ cải tiến bản mô tả CTĐT ngành Quản trị kinh doanh; rà soát tất cả các đề cương và bổ sung thông tin về ma trận liên kết nội dung chương

mục với chuẩn đầu ra của học phần; bổ sung hướng dẫn tự học cho sinh viên đối với từng chương mục, ghi rõ sinh viên sử dụng tài liệu nào tương ứng với nội dung của chương mục; bổ sung tài liệu học tập là giáo trình đã xuất bản với học phần Quản trị kinh doanh du lịch; đa dạng hoá các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT như email, lồng ghép vào học phần nhập môn (đối với sinh viên mới); biên soạn tóm tắt Bản mô tả CTĐT ngành Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh để sinh viên nước ngoài có thể tiếp cận và lựa chọn.

3. Bổ sung học phần Tiếng Anh giao tiếp với giảng viên là người Anh bản địa nhằm chuẩn bị cho sinh viên đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động. Nghiên cứu để lồng ghép vào CTĐT ngành Quản trị kinh doanh những nội dung kiến thức liên quan đến kỹ năng mềm như kỹ năng đàm phán và kỹ năng giải quyết vấn đề giúp sinh viên bắt kịp với yêu cầu công việc; rà soát đóng góp của từng học phần vào việc hình thành chuẩn đầu ra ở ba ý: Thứ nhất là xác định đúng/chính xác học phần đóng góp vào hình thành chuẩn đầu ra nào của CTĐT. Thứ hai là mỗi học phần nên chú trọng vào đóng góp/ánh xạ vào một vài chuẩn đầu ra cốt lõi và phù hợp với học phần đó, thay vì đóng góp quá nhiều và chuẩn đầu ra của CTĐT khiến cho việc triển khai dạy và học, đánh giá kiểm tra khó khăn. Thứ ba là mỗi học phần cần xác định mức độ đóng góp và hình thành chuẩn đầu ra thay vì chỉ là dấu “x” (chỉ thể hiện là có hay không có đóng góp). Có khảo sát, đánh giá hiệu quả từ chính sách gia tăng số lượng học phần tự chọn (39 học phần) trong khối kiến thức bổ trợ nhằm tạo tính liên thông ngang, hỗ trợ người học theo đuổi song bằng để từ đó có kế hoạch điều chỉnh hoặc nâng cao hiệu quả của chính sách này.

4. Huy động các đoàn thể và các tổ chức xã hội chính trị như Hội cựu sinh viên cùng tham gia vào việc truyền thông quảng bá và lan tỏa Triết lý giáo dục thông qua tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Triết lý giáo dục, email gửi thông tin của Học viện đến cựu sinh viên và đính kèm những nội dung liên quan đến Triết lý giáo dục.

5. Tổng kết các phương thức kiểm tra đánh giá để đánh giá mức độ đạt được mỗi chuẩn đầu ra của CTĐT, nhất là phương thức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của người học. Tập huấn giảng viên lựa chọn phương pháp đánh giá kiểm tra phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của học phần, khuyến khích giảng viên sử dụng đa dạng hoá các phương pháp đánh giá kiểm tra để đo được chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng và chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm. Xây dựng hướng dẫn và thực hiện việc phân tích phổ điểm nhằm hỗ trợ tốt hơn chất lượng đánh giá kiểm tra nhằm đo các yêu cầu và chuẩn đầu ra cần đo. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

6. Có dự báo phát triển đội ngũ giảng viên cho Khoa Quản trị kinh doanh và từng ngành đào tạo trong bản chiến lược phát triển Trường để làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và tăng tỷ lệ giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư. Xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao tạo thuận lợi cho tuyển dụng; xây

dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên. Có hoạt động đánh giá hiệu quả sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng để có những cải tiến chất lượng và lựa chọn nội dung cần thiết nâng cao năng lực cho giảng viên. Tăng cường hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước của cùng ngành học để cải thiện hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học đáp ứng với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện. Hoàn thiện phần mềm tổng thể trong quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho giảng viên để giúp giám sát, đánh giá việc thực hiện công việc đáp ứng xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

7. Xác định các chỉ tiêu cụ thể về các lĩnh vực hoạt động để thực hiện theo các giai đoạn cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chiến lược; ban hành, bổ sung, cập nhật các văn bản để tổ chức, quản lý, điều hành tất các hoạt động của Học viện; điều chỉnh cơ chế thu hút phù hợp hơn để tăng số lượng đội ngũ nhân viên chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) để quản trị, đánh giá nhân viên thông qua khối lượng công việc. Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến các quy định, quy chế, quy trình... cho phù hợp thực tế.

8. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để đưa ra dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Thực hiện việc đánh giá, đối sánh chất lượng đầu vào và kết quả học tập của người học ở các phương thức tuyển sinh làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh, điều chỉnh phương thức tuyển sinh và chỉ tiêu ở mỗi phương thức tuyển sinh. Điều chỉnh, bổ sung một số dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên. Có văn bản quy định nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn tâm lý - sức khỏe tâm thần cho sinh viên và phân công/tuyển nhân sự có chuyên môn phụ trách. Rà soát, điều chỉnh mẫu phiếu lấy ý kiến và thực hiện khảo sát rộng rãi các bên liên quan về mức độ hài lòng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện. Kết quả khảo sát cần tách riêng từng ngành đào tạo để phân tích, đánh giá chính xác thông tin khảo sát. Định kỳ khảo sát, phân tích ý kiến của sinh viên về nhu cầu tư vấn nghề nghiệp, việc làm, khởi nghiệp để có kế hoạch hỗ trợ phù hợp.

9. Có phương án thiết kế cơ sở mới để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định; bổ sung kịp thời các trang thiết bị phòng học, thực hành; thay thế một số máy tính có cấu hình cao hơn và cập nhật phần mềm đáp ứng việc học tập, nghiên cứu cho người học. Khảo sát đa dạng các bên liên quan về đáp ứng nhu cầu sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, môi trường, sức khỏe, an toàn; phân tích số liệu khảo sát riêng từng ngành, từng khoa và cần đánh giá phân tích định lượng; cần tổ chức định kỳ, ít nhất 01 lần/năm khám sức khỏe và triển khai thực hiện rộng rãi tư vấn tâm lý cho người học.

10. Mở rộng phạm vi lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, chú ý lấy ý kiến của đội ngũ các chuyên gia về phát triển CTĐT từ các trường đại học khác, các viện nghiên cứu về khoa học chuyên ngành, cơ quan quản lý Nhà nước về đào tạo liên quan đến chuyên ngành làm cơ sở điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học. Rà soát, đánh giá và ban hành quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương



trình dạy học (thay cho công văn và thông báo), sử dụng hữu ích kết quả khảo sát làm căn cứ cải tiến quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Đa dạng hóa các tiêu chí đánh giá phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Tăng cường nghiên cứu khoa học liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung trong phiếu khảo sát liên quan đến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác; có quy định rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi.

11. Rà soát các giải pháp đã triển khai và đề xuất các giải pháp mới nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT đúng thời gian quy định, cải thiện tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn quy định; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ rút ngắn thời gian tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn, tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp. Thực hiện việc đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cùng CTĐT với các cơ sở giáo dục khu vực ASEAN và quốc tế cùng với kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tổ chức các hội nghị chuyên đề thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các giải pháp khắc phục và hỗ trợ người học tốt nghiệp cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp với CTĐT. Tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, cải tiến chất lượng và nâng cao số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Học viện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.